

Số: ~~1037~~/QĐ-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam”

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Quy chế phân cấp quản lý và lựa chọn nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1227/QĐ-ĐLĐK ngày 29/11/2019 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-ĐLĐK ngày 03/4/2020 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số 354/QĐ-ĐLĐK ngày 28/4/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-ĐLĐK ngày 15/10/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt phạm vi công việc và dự toán chi phí quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-ĐLĐK ngày 27/10/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-ĐLĐK ngày 19/10/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc kiện toàn Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm hàng hoá, dịch vụ do Văn phòng Tổng công ty được giao thực hiện.

Xét Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 28/10/2021 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam” và đề nghị của Chánh Văn phòng Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam” (như tài liệu đính kèm).

Điều 2: Giao Văn phòng Tổng công ty làm đầu mối, phối hợp với các Ban liên quan triển khai thực hiện các công việc theo đúng quy định tại Quyết định số 292/QĐ-ĐLĐK ngày 03/4/2020.

Điều 3: Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Thương mại, Pháp chế Tổng công ty và các thành viên Tổ chuyên gia lựa chọn nhà cung cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/cáo);
- TGD TCT (để b/cáo);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, VP (TTTN).

Tài liệu đính kèm:

- Bản yêu cầu báo giá.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular and red, containing the text: "M.S.D.N: 0181173-CT", "TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC", "ĐẦU KHÍ VIỆT NAM", and "- CTCP". The outer ring of the stamp says "THÀNH PHỐ HÀ NỘI". A handwritten signature is written over the stamp.

Phan Ngọc Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam

Phát hành ngày: 29 / 10 / 2021

Ban hành kèm theo Quyết định: 1037/QĐ-ĐLTK ngày 29 / 10 / 2021

Bên mời thầu: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Phan Ngọc Hiền

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power).

2. Bên mời thầu mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho gói thầu “Thuê đơn vị quảng cáo, truyền thông thương hiệu POW/PV POWER trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của Bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà

cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a Chương III;
3. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Văn phòng - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tầng 8 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, HN.

Số điện thoại: 024 22210288

Fax: 024 22210388

Email tiếp nhận báo giá: tranthithanhnga@pvpower.vn

Thời điểm nộp không muộn hơn **16 giờ 00 ngày 05/11/2021**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và được đăng tải trên website www.pvpower.vn.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

3. Thương thảo thỏa mãn các điều kiện của bên mời thầu.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

A. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp

Nhà cung cấp phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

YÊU CẦU
<p>1. Phạm vi công việc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất quảng cáo radio (quảng cáo tiếng) thương hiệu POW/PVPOWER thời lượng 30s (xây dựng ý tưởng, thông điệp truyền tải, lồng tiếng, nhạc...);- Phát quảng cáo radio trong khung giờ cao điểm trên kênh VOV giao thông (Spot 30s; Sáng 6h15 – 9h15 (2 spot); Trưa: 10h30 – 12h00 (2 spot); Chiều: 16h30 – 19h45 (2 spot); 6 spot/ngày x 242 ngày = 1.452 spot; <p>Thời gian thực hiện dự kiến từ tháng 11/2021 đến tháng 7/2022.</p>
<p>2. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất quảng cáo radio:<ul style="list-style-type: none">● Thời lượng: 30 giây.● Nội dung: Yêu cầu quảng cáo có ý tưởng, thông điệp rõ ràng, sát với tầm nhìn, chiến lược phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power). Nội dung của quảng cáo sẽ do nhà cung cấp xây dựng trên cơ sở yêu cầu của PV Power và được Lãnh đạo PV Power phê duyệt.● Nhạc: Yêu cầu nhạc, âm thanh phải có bản quyền hoặc các loại nhạc, âm thanh được phép chia sẻ, sử dụng mà không yêu cầu bản quyền.- Phát quảng cáo radio trên kênh phát thanh VOV giao thông: Phát theo spot 30s trong các khung giờ: Sáng 6h15 – 9h15 (2 spot); Trưa: 10h30 – 12h00 (2 spot); Chiều: 16h30 – 19h45 (2 spot)
<p>3. Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự:</p> <p>Yêu cầu nhà cung cấp có kinh nghiệm trong việc thực hiện các hợp đồng truyền thông liên quan đến sản xuất quảng cáo và đăng tải các nội dung quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng lớn: Có ít nhất 01 hợp đồng với nội dung công việc tương tự có hiệu lực trong 03 năm gần đây.</p>

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

- Chi tiết phạm vi cung cấp như Yêu cầu nêu tại Mục 1 Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

2. Thời gian và địa điểm thực hiện công việc

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Dự kiến từ tháng 11/2021 đến tháng 7/2022.
- Địa điểm thực hiện: Hà Nội.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại Mục 2 Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

4. Yêu cầu về tài chính, thương mại

- Trong biểu giá, nhà cung cấp phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.
- Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

B. Tiêu chuẩn đánh giá

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
I	Về phạm vi công việc.		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II.	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật		
1	Các yêu cầu kỹ thuật.	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật trong Mục 2, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong Mục 2, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
III	Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự		
1	Yêu cầu về kinh nghiệm thực	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu về các hợp đồng tương	Đạt

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
	hiện các hợp đồng tương tự	tự được nêu trong Mục 3, Bảng số 1 - Yêu cầu cung cấp, Chương II	
		Không đáp ứng yêu cầu về các hợp đồng tương tự trong Mục 3, Bảng số 1 - Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
III	Thời gian thực hiện hợp		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng	Đáp ứng yêu cầu về thời gian nêu trong Mục A.2 – Thời gian và địa điểm thực hiện công việc, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về thời gian nêu trong Mục A.2 – Thời gian và địa điểm thực hiện công việc, Chương II	Không đạt
2	Địa điểm thực hiện:	Đáp ứng các yêu cầu về địa điểm thực hiện nêu trong Mục A.2 – Thời gian và địa điểm thực hiện công việc, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng các yêu cầu về địa điểm thực hiện nêu trong Mục A.2 – Thời gian và địa điểm thực hiện công việc, Chương II	Không đạt

Bản yêu cầu báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi tất cả các tiêu chuẩn đều được đánh giá là đạt.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1		(M)
2		(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số:.....

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 đã được QH thông qua ngày 21/06/2012
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ và khả năng, nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại Hà Nội chúng tôi gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (gọi tắt là Bên A):

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Đại diện : Ông Phan Ngọc Hiền Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 354/QĐ-ĐLĐK 28/4/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần).

Địa chỉ : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : 024.22240288 Fax: 024.22210388

Tài khoản : 138.208.207.770.14

Tại : TTGD Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Mã số thuế : 0102276173

Bên cung cấp dịch vụ (gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY

Đại diện : Chức vụ:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản số:

Tại :

Mã số thuế :

Sau khi thỏa thuận, hai bên đã đồng ý ký hợp đồng dịch vụ với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý nhận sản xuất quảng cáo radio theo yêu cầu của Bên A và phát sóng quảng cáo radio trên kênh phát thanh VOV giao thông của Đài Tiếng nói Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Số lượng, thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời lượng: spot 30 giây/01 lần phát sóng;
- Thời gian bắt đầu phát sóng: Từ ngày /11/2021;
- Tổng số ngày phát sóng: 242 ngày;
- Tổng số lần phát sóng: 1452 lần;
- Thời gian quảng cáo trong các khung giờ: Sáng 6h15 – 9h15 (2 spot); Trưa: 10h30 – 12h00 (2 spot); Chiều: 16h30 – 19h45 (2 spot).
- Địa điểm: tại Hà Nội.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Quảng cáo có ý tưởng, thông điệp rõ ràng, sát với tầm nhìn, chiến lược phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power). Nội dung của quảng cáo sẽ do Bên B xây dựng trên cơ sở yêu cầu của PV Power và được Lãnh đạo PV Power phê duyệt.
- Yêu cầu nhạc, âm thanh phải có bản quyền hoặc các loại nhạc, âm thanh được phép chia sẻ, sử dụng mà không yêu cầu bản quyền.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 10% VAT): đồng
(Bằng chữ:)

Chi tiết:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
-----	--------------------	-----	----	----------------	-------------------

1	Sản xuất quảng cáo radio (quảng cáo tiếng) quảng bá thương hiệu PV Power thời lượng 30s (<i>xây dựng ý tưởng, thông điệp truyền tải, lồng tiếng, nhạc...</i>)	Trọn gói	1		
2	Phát quảng cáo radio quảng bá thương hiệu PV Power trong khung giờ cao điểm trên kênh phát thanh VOV giao thông (<i>Spot 30s; Sáng: 6h15-9h15 (2 spot); Trưa: 10h30-12h00 (2 spot); Chiều: 16h30-19h45 (2 spot); 6 spot/ngày x 242 ngày = 1.452 spot;</i> <i>Thời gian thực hiện dự kiến từ tháng 11/2021 đến tháng 7/2022.</i>	Spot	1452		
TỔNG CỘNG					

2.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2.3. Hình thức thanh toán: Thanh toán 02 lần

Lần 1: Bên A thanh toán cho Bên B giá trị thực hiện của hợp đồng tính đến ngày 31/12/2021 trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- + Hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ bằng giá trị thực hiện nghiệm thu đến ngày 31/12/2021. (bản gốc);
- + Biên bản nghiệm thu xác nhận công việc hoàn thành đến ngày 31/12/2021 được hai bên ký kết (bản gốc);
- + Dĩa ghi nội dung quảng cáo radio (bản sao);
- + Giấy chứng nhận phát sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam (bản gốc).

Lần 2: Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng tính đến ngày 31/7/2022 trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
- + Hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ bằng giá trị công việc còn lại của hợp đồng (bản gốc);
- + Biên bản nghiệm thu xác nhận công việc hoàn thành đến ngày 31/7/2022 được hai bên ký kết (bản gốc);

- + Đĩa ghi nội dung quảng cáo radio (bản sao);
- + Giấy chứng nhận phát sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam (bản gốc);
- + Thanh lý hợp đồng được đại diện hai bên ký kết (bản gốc).

2.4. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- ✓ Tên tài khoản:
- ✓ Số tài khoản:
- ✓ Tại: Ngân hàng

2.5. Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Phê duyệt nội dung quảng cáo trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi nội dung quảng cáo radio quảng bá thương hiệu của Bên A trên kênh VOV giao thông,
- Thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Sản xuất quảng cáo radio có ý tưởng, thông điệp rõ ràng, sát với tầm nhìn, chiến lược phát triển và đúng với yêu cầu mà Bên A đưa ra.
- Gửi nội dung quảng cáo radio cho Bên A trước khi thực hiện phát sóng và chỉ được phát sóng khi có sự chấp thuận của Bên A.
- Phát sóng đầy đủ theo thời gian và số lần phát sóng, khung giờ phát sóng theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng.

ĐIỀU 4: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào vi phạm một trong những điều khoản đã được thỏa thuận tại hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với giá trị bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Ngoài ra, Bên vi phạm phải có trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại cho Bên kia.

ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP



- 5.1 Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thì hai Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau bằng văn bản trong vòng 15 ngày để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần đôi bên cùng có lợi;
- 5.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã được thỏa thuận ghi trong hợp đồng này.
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực kể từ khi hai bên thanh lý hợp đồng.
- Thời điểm thanh lý hợp đồng: Sau khi các bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng này hoặc theo sự thỏa thuận của hai bên.
- Hợp đồng này được lập thành sáu (06) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản để theo dõi và thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B